

PHI LỘ

“*Pháp quyền*” mà Bổn sư của tôi, Hòa thượng Thích Huyền Tân ban cho tôi như một điều khẳng định mở lối để cho tôi chuyên tâm đi sâu vào việc học tập, nghiên cứu giới luật, sau khi tôi thọ cụ túc năm 1947.

Đã gần 50 năm qua, từ việc học tập, hành trì đến việc giảng dạy, dịch thuật nhiều bộ luật, song bộ **Luật Trưng trị** đã gắn bó với tôi một cách mật thiết, nó đã hằn sâu trong tôi, nó đã trở thành một bản thể của bản thể trong đời sống Bí-sô của tôi. Những việc mà tôi sắp thuật lại sau đây, tôi xem như sự trang trải tấm lòng thù ân của tôi lên quá khứ cũng như hiện tại đã trực tiếp hay gián tiếp giúp tôi hội đủ khả năng để hoàn thành bộ **Luật Trưng trị** bằng tiếng Việt này.

Xin được bắt đầu ghi lại:

Ngay sau khi thọ đại giới, phần giới bổn của bộ Luật tôi tiếp thu từ Bổn sư của tôi và chính đây là nền tảng mà thầy tôi đã thiết lập cho tôi.

Sáu năm sau, tôi đến Nha Trang, đến với Tăng Học Đường tại chùa Long Sơn, trụ sở Tỉnh hội Phật học Khánh Hòa. Tôi nhớ rõ năm ấy là năm 1953, và càng nhớ rõ hơn Hòa thượng Giám Luật Thích Đôn Hậu từ Tổng Trị Sự Huế vào phụ trách dạy Luật cho trường hạ:

Ngài dạy phân Giải thích và Tướng trạng của tội, những điểm căn bản của bộ Luật. Đây là dấu ấn đức hạnh như tên gọi của ngài đã đặt lên tôi nói riêng, cho quý thầy từ bốn tỉnh: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và Đà Lạt Tuyên Đức nói chung về tu học tại Tăng Học đường trong mùa an cư năm đó.

Sau đó vài năm, cứ mỗi mùa an cư, tại Phật Học Viện Trung phần, chùa Hải Đức Nha Trang, Hòa thượng Luật sư Thích Trí Thủ đều giảng dạy những vấn đề thiết yếu: Khai, Giá, Trì, Phạm của bộ Luật cho quý thầy sau những ngày hồng hóa khắp nơi quy tụ về an cư tu học, cũng như cho anh em học Tăng đang học tập tại Phật Học Viện. Có đến 20 mùa an cư, tại trú xứ này, tôi được gần gũi ngài Hòa thượng Giám viện Thích Trí Thủ để tiếp thu những điều Tác-Trì và kiến thức Luật học của ngài.

Kiến thức sâu rộng về Luật học là một lẽ, còn việc vận dụng vào đời sống thực tế vào việc hành trì là một lẽ khác, nhất là về mặt kiết giới và trị phạm, cần có sự linh hoạt và thực tiễn để Luật học không trở thành cứng nhắc. Do vậy, cần có sự vận dụng uyển chuyển theo sự phát triển của xã hội, song vẫn bảo đảm đúng pháp, đúng luật, đúng như lời Phật dạy. Nói khác hơn, phải nắm thật chắc mọi tinh hoa đã được tập thành trong Luật tạng để việc áp dụng không rơi vào lệch lạc và sự hành trì không vướng bận chi ly.

Ngài Hòa thượng Luật sư Thích Thiện Hòa đã tập thành được những tinh hoa ấy... Tôi đã trực tiếp học ở

ngài các vấn đề quan yếu về Tác-Trì. Ngài đã chỉ ra tính cách sâu sắc của Luật học mà đằng sau nó là sự giải thoát, điều sau cùng của một Tỳ-kheo phải đạt được.

Những điều tôi học hỏi nghiên cứu về bộ Luật Trùng trị là như thế. Tuy nhiên, những kiến thức có được về Luật chưa phải là đủ, và không biết bao giờ mới đủ được! Tôi tiếp tục học hỏi qua việc giảng dạy và dịch thuật Luật.

Về việc giảng dạy hay trong việc thuyết trình, tôi đã tham khảo nhiều bộ Luật, song căn bản vẫn lấy bộ Trùng trị làm tư liệu chính để soạn giáo án, cô đọng những vấn đề thiết yếu nhằm làm sáng tỏ phần giới bốn của bộ Luật. Đây là phần chính tôi giảng dạy cho các tân Tỳ-kheo sau mỗi kỳ Giới đàn tại Phật Học Viện Nha Trang hay gần đây tại trường Cơ Bản Phật Học Khánh Hòa.

Tôi cũng được sự chỉ định của Hòa thượng Thích Trí Thủ vào Sài Gòn dạy Luật cho lớp Cao Đẳng chuyên khoa tại Quảng Hương Già-Lam, cũng như tại Phật học Vạn Hạnh trong hai mùa an cư 1982 và 1983.

Còn tại trú xứ chùa Long Sơn, Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa, tôi được sự giao phó của Hòa thượng Giám Luật Thích Trí Nghiêm giảng giải đến các đề tài về Luật học sau những lần chúng Tăng tập hợp Bố-tát. Cũng tại trú xứ này, qua suốt các mùa an cư của thập kỷ 80 cho đến tận hôm nay, tôi đảm trách thuyết trình các vấn đề chuyên biệt của giới luật, sự vận dụng và hành trì trước Tăng, Ni thuộc thành phố Nha Trang.

Song song với việc soạn và giảng dạy, tôi đã dành trọn thời giờ cho niềm vui trong việc thảo luận, bổ chính các vấn đề có liên quan đến Luật học và tập chú vào việc dịch thuật các bộ Luật từ Hán tạng.

Đối với việc thảo luận góp ý, tôi có diễm phúc cùng với thân giáo sư của tôi, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, giám định lại những điểm ngộ nhận trong bộ Luật “Tỳ-kheo-ni sao” mà Hòa thượng Giám Luật Thích Đôn Hậu đã dịch ra Việt ngữ và được ngài đồng ý cho sự giám định này. Chính việc làm này dẫn đến việc tôi nhận bổ chính bộ Luật Tứ phần Tỳ-kheo-ni giới bốn chú giải do ngài Trí Minh dạy, Ni sư Thích nữ Như Hoa ghi chép và đánh máy. Năm ấy là năm Đinh Mão 1987, PL. 2530 và cũng trong năm này tôi khởi dịch toát yếu phần Tác-Trì của bộ Luật Trùng trị. Công việc này đã hoàn thành vào ngày vía Xuất gia của đức Bổn Sư năm Mậu Thìn 1988, PL. 2531.

Dịch xong phần Tác-Trì, đây là phần thiết yếu, như vậy cũng có nghĩa là soạn dịch xong phân nửa bộ Luật rồi. Phần còn lại là phần “Chỉ-Trì”, tôi tiếp tục dịch trong những tháng ngày đau yếu chữa trị mắt bị đục thủy tinh thể.

Do bệnh huyết áp cao và mắt mờ dần, mọi dự định gần như bị đảo lộn... Trong 20 quyển của bộ Luật, tôi dịch được 18 quyển thuộc phần chính, còn hai quyển đầu và cuối tôi đành phải nhờ Tâm Hạnh, đệ tử của cố Hòa thượng Thích Trưng San dịch hộ.

Sau cùng điều còn lại là lòng tri ân:

Trước hết con xin thành kính đảnh lễ tri ân thân giáo sư: Hòa thượng Thích Thiện Siêu, đã hoan hỷ phủ chính cho bản dịch bộ Luật Trùng trị này của con.

Tôi cảm ơn Ni sư Thích Nữ Huệ Ân. Ni sinh Ni Viện Diệu Quang Nha Trang, học trò cũ của tôi, từ nước Mỹ đã xin phát nguyện cúng tịnh tài để in ấn bộ Luật này.

Giờ đây, sau những tháng miệt mài đọc lại bản dịch, chú thích và nhuận văn của Đức Thắng đã đánh vi tính xong, việc còn lại: in thành sách bộ Luật Trùng trị này, một kết quả của nhiều năm được tụ lại từ mọi nhân duyên đã vừa hội đủ.

Xin gửi đến chư Tôn đức và các vị trong giới Luật học bộ Luật này như sự cúng dường, biết ơn muôn một.

Ngưỡng cầu Tam Bảo thù từ giám nạp.

*Dịch giả **Thích Đồng Minh**
Cẩn Thuật**



* Lời Phi lộ này tôi thuật lại, Phước Thắng ghi.

LỜI TIỂU DẪN

(Lần khắc bản lại năm 1890)

Tạng Luật là kỷ cương của Phật pháp, là mạch sống của Tăng già. Tiếc thay vào khoảng đời Nguyên đến đời Minh, Luật học không còn ảnh hưởng. Người có chí thấy vậy đành thở ra, dậm chân tại chỗ. Kẻ không hiểu giềng mối của luật thì tranh nhau truyền bá sai lầm.

Đến khi ngài Ngẫu Ích Đại Sư xuất hiện, ba lần duyệt Luật tạng, soạn thành bộ Tập yếu gồm 18 quyển, tóm lược cương lĩnh của Luật học. Đó là “Sơ trị”.

Từ đó, đến 13, 14 năm sau, tuy cố gắng nhưng khả năng có hạn, lại không có người để tham vấn, nên không viết thêm được gì.

Nhân nghĩ đến số tài liệu đã soạn trước, tuy các điều hay đã thấu nhật vào, nhưng chưa chọn lọc từng vấn đề, và hai tập “vấn biện” cùng “âm nghĩa” vẫn chưa khắc in, chi bằng hội chung với Tập yếu, để người học khỏi phải thấy sự mênh mông như biển cả của Luật học mà than thở. Đó là “Trùng trị”. Và nghĩ rằng hai tập này truyền đến nước ta không biết từ thời nào. Đến khoảng niên đại Tự Đức, nhân lúc thầy tôi hiệu đính bản Tỳ-kheo-ni giới bốn, lại gặp được bản “Sơ trị” của phương Bắc gồm 11 quyển đầu. Sau đó, mặc dù hết sức tìm kiếm nhưng không đủ bộ.

May mắn gặp được vật quý giá như vậy làm sao bỏ qua. Thế nên bản phương Bắc đã giao cho Đại đức Phổ

Tấn khắc bản. Còn bản phương Nam thì tra cứu lại bản sao lần đầu, hiệu đính lại từng phần, chép thành một bản riêng, ủy thác cho Thanh Chí Cao Thiên thay mặt thầy tôi để khắc lại. Khi ấy, công việc khắc in vừa xong, người phụ trách việc kiểm soát, truyền bá Tỳ-ni vội về nơi an dưỡng. Người chuyên trách việc khắc bản đã cỡi bè giới đến Liên Bang.

Than ôi đời mạng pháp nên khiến ra như vậy!

Khởi công khắc bản vào đầu mùa thu năm Ất Dậu (1885), hoàn tất vào cuối mùa hạ năm Canh Dần (1890).

Ngày Rằm tháng Sáu năm Thành Thái thứ hai, người vâng lệnh kiểm soát bản khắc, chỉ thành đánh lễ, thuật lại.



BÀI TỰA

LUẬT TRỪNG TRỊ TỶ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU

Giáo pháp của Như Lai vang lừng khắp Đông Độ, trước sau đều nhờ vào giới luật. Pháp âm từ bi nhờ vậy ban bố cho chúng sanh, mở mang hưng thịnh và hoàn bị đến ngày nay.

Giới luật thịnh hay suy đều do con người, mà nay con người đã đến lúc quá suy đồi!

Việc truyền giới các nơi trong quốc độ này phần nhiều chưa y vào Luật và Pháp. Nói đúng hơn, thậm chí ngày nay, sự truyền giới và thọ giới trong nước ta đều sai lầm. Thật là sự sai lầm cho cả mình và người. Tất cả tệ trạng này đều do thầy trò truyền thừa cho nhau trái với lời dạy của Phật đã chế định.

Ngài Thiên Thọ Chấn Công Hòa thượng tinh tường tu tập ba tông, thấu triệt tận những chỗ vi tế. Ngài chống tích trượng du hóa nơi đất Tần, gặp cơ duyên trú ở Thiên Thọ. Ngài cảm thương cho luật pháp không được hoằng truyền, nên phát nguyện thay đổi tệ trạng này.

Hơn mười năm, ngài lấy Luật làm đầu. Nên dưới ngài có một số các vị có tâm chí muốn truyền trì giới luật, trong đó Tỳ-kheo Tấn Liêu nhiệt thành và có khả năng nhất. Tấn Liêu thiên tư đặc biệt chuyên về Luật tông, xem hết giáo lý Tỳ-nại-da (giới luật), nghiên cứu cùng tận cương chỉ của năm thiên¹.

¹ Năm thiên (ngũ thiên) gồm có:

a) Tội Ba-la-di 波羅夷 (Skt=Pāli. pārājika), dịch là đứt đầu. Tội này rất nặng như người bị đứt đầu không thể sanh trở lại được. Tỳ-kheo cũng thế, phạm vào là không thể làm Tỳ-kheo trở lại được (Tỳ-kheo có 4 giới, Tỳ-kheo-ni có 8 giới).

b) Tội Tăng-già-bà-thi-sa 僧伽婆尸沙 (Skt. Saṃghāvaśeṣa, Pāli. Saṃghādisesa), Trung Hoa dịch là Tăng tàn, phạm vào tội này cũng như người bị chém cổ, chỉ còn lại cuống họng cần phải cấp cứu mới có thể sống lại được. Tỳ-kheo cũng vậy muốn trở lại làm Tỳ-kheo thanh tịnh, thì cần phải có sự cứu chữa của Tăng bằng cách hướng về Tăng chúng sám hối tội này (Tỳ-kheo có 13 giới, Tỳ-kheo-ni có 17 giới).

c) Ba-dật-đề 波逸提 (Skt. Pāyattika, Pāli. pācittika), Trung Hoa dịch là đọa, là Tỳ-kheo nào phạm vào tội này thì bị đọa vào địa ngục. Ở đây có 2 loại đọa và xả đọa (hai loại này cộng lại thì đối với Tỳ-kheo có 120 giới, Tỳ-kheo-ni có 208 giới).

d) Đề-xá-ni, gọi đủ là Ba-la-đề-đề-xá-ni 波羅提提舍尼 (Skt. Pratideśanīya, Pāli. pātidesanīya), dịch là “hướng vào người khác mà sám hối”, nghĩa là Tỳ-kheo nào phạm vào tội này phải hướng về Tỳ-kheo khác mà sám hối, thì tội này mới tiêu diệt (Tỳ-kheo 4 giới, Tỳ-kheo-ni 8 giới).

Tiết thay những nhà chú thích Luật không nhiều, Tạng luật lại phức tạp. Thế nên làm cho người học cũng khó thấu triệt. Duy có bộ *Trùng trị tỳ-ni* này là có khả năng thức tỉnh những tệ trạng hiện nay, đủ để trình bày rõ chỗ hướng về. Do thế, tôi rất tha thiết mong được khắc bản để lưu truyền ở đời, hy vọng đáp ứng cho mọi người được phần nào.

Ý muốn là một việc, nhưng thời gian không cho phép, nên chưa thực hiện được. May thay gặp các vị Tỳ-kheo: Cốc Ấp, Triều Dương, Truyền Giới, Tự Luật cũng đều nghĩ rằng: Nếu khắc bản được bộ *Trùng trị tỳ-ni* để lưu hành thì lợi ích cho Luật học và người đi sau có chỗ học hỏi.

Khi ấy các vị: Cửu Thánh, Tuệ Thạch, Phật Bích, Thiên Thọ, Trí Đài cùng một số vị Thượng tọa trì luật khác đồng ý cử người lo tài chánh đề khởi công in. Tất cả đều một lòng quyết chí với nhau, lao khổ không sờn, chông gai chẳng ngại. Khắc bản luôn hai năm, công việc mới xong.

Ngưỡng mong những vị được thấy được nghe đều hoan hỷ thọ trì, ngõ hầu treo mặt trời Giới giữa hư không, dựng lại Chánh pháp trong thời mạt vận. Thứ

e) Đột-kiết-la 突吉羅 (Skt. duṣkṛta, Pāli. dukkaṭa), dịch là “ác tác”, nghĩa là chỉ cho những hành động tạo tác ác. Tội này thuộc loại nhẹ.

nữ, không phụ lòng thương vì pháp của Tổ và báo đáp ân đức của Phật, như một giọt nước trong biển cả!

Luật học Tỳ-kheo Trí Đà soạn

MỤC LỤC

LUẬT TRỪNG TRỊ TỖ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU

- Quyển đầu** : - Tự bạt.
 - Tổng vấn biện.
 - Phạm lệ.
 - Đề cương.
 - Tổng mục của Tứ phần.
 - Phạm mục của Tứ phần.
 - Các kinh luật liên hệ.
- Quyển I** : - Tỳ-kheo giới từ đề mục đến kệ tán.
- Quyển II** : - Tiếp theo từ phần vấn đáp khả bạch đến giới dâm.

- Quyển III** : - Từ giới ăn trộm đến giới làm mai mối.
- Quyển IV** : - Từ giới làm nhà quá lượng đến giới lìa y ngủ.
- Quyển V** : - Từ giới chứa y quá tháng đến giới chứa bát mới.
- Quyển VI** : - Từ giới dệt y, không phải bà con đến giới dị ngữ.
- Quyển VII** : - Từ giới hiềm mắng đến giới ăn phi thời.
- Quyển VIII** : - Từ giới ăn đồ cách đêm đến giới cùng đi với giặt.
- Quyển IX** : - Từ giới không bỏ ác kiến đến giới chúng học.
- Quyển X** : - Từ chúng học đến kệ tán hồi hương.
- Quyển XI** : - Tổng biện Yết-ma.
 - Kiệt giới.
 - Thọ giới.
- Quyển XII** : - Y chỉ - Làm thầy
 - Đệ tử thờ thầy - Thượng tọa
 - Đồng học - Lễ kính - An cư
 - Tự tứ - Y công đức.
- Quyển XIII** : - Sáu pháp trị tội.
- Quyển XIV** : - Y bát - Ăn - Thuốc.
 - Thọ thực - Khám bệnh - Phòng xá.
 - Ngọa cụ - Đồ vật.
 - Tích trượng - Pháp của Tòng lâm.

Quyển XV : - A-lan-nhã - Đại chúng họp.
- Chia vật - Nói pháp.
- Đọc tụng - Ngồi thiền.
- Tọa pháp - Kinh phạm giới tội.
- Nặng nhẹ - Bài tụng giới tướng.

Quyển XVI : - Tỳ-kheo-ni giới từ đầu đến giới thứ 115
Ba-dật-đề.

Quyển XVII : - Tiếp theo cho đến hết và tọa pháp.
- Bạt ngữ.

Quyển XVIII - Lược thích đại tiểu trì giới kiên độ.

Nguyên bài tựa bộ *Tỳ-ni sự nghĩa tập yếu* và bản mục lục này lần khắc bản đầu tiên không có. Sau khảo cứu thấy ở trường Viên Đông Bác Cổ Hà Nội, nguyên bản của Nhật Bản đầy đủ toàn bộ, sửa chữa bản khắc rất hoàn mỹ. Bộ này đủ từ đầu đến cuối. Từ phần “Lời tiểu dẫn...” từ cuốn đầu cho đến phần “hồi hương” cuốn 18, tất cả là 595 tờ, nay kính cần ghi lại.

Bản lưu tại chùa Bửu Khâm, xã Tế Xuyên, huyện Nam Xương, phủ Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam.



BÀI TỰA

TRÙNG TRỊ TỶ-NI TẬP YẾU

Tôi sanh vào giờ Hợi, ngày mồng 3 tháng Năm, năm Kỷ Hợi, niên hiệu Vạn Lịch thứ 27, đời nhà Minh (1599).

Đến năm 24 tuổi, tôi cạo tóc xuất gia, ngày mồng 7 tháng Năm, năm Nhâm Tuất, tức năm 1622.

Năm sau, ngày mồng 8 tháng Chạp, tôi thọ giới Cụ túc trước tượng ngài Hòa thượng Vân Thê. Năm sau nữa, tôi thọ giới Bồ-tát trước tháp ngài Hòa thượng Vân Thê. Các vị A-xà-lê đều là bậc Cổ đức Pháp sư.

Năm 27 tuổi, vào mùa Xuân tôi xem qua bộ Luật, soạn “Tập sự nghĩa yếu lược”, chỉ được hơn 100 tờ.

Năm 30 tuổi, vào mùa Hạ tôi nghiên cứu Luật lần thứ hai soạn thêm được bốn tập nữa.

Năm 31 tuổi, vào mùa Đông tôi lại nghiên cứu Luật lần thứ ba, soạn thành sáu tập, gồm 18 cuốn.

Năm 32 tuổi, vào mùa Hạ tôi lại dạy cho 3 người bạn là Tịch Cốc, Như Thị và Tuyết Hàng, giảng qua một lần rất kỹ. Năm đó, tôi thêm vào hai tập đầu và cuối, thành ra 8 tập.

Năm 33 tuổi, vào mùa Đông tôi chỉ giảng bảy quyển cho Kim Đài pháp chủ, người cùng quê, ở chùa Phật Nhật, núi Cao Đình, tại Linh Phong.

Mùa Hạ năm sau, tôi tiếp tục giảng cho 10 vị, một cách đầy đủ. Trong 10 vị đó có Tỳ-kheo Triết Nhân là người có khả năng thực hành.

Năm 35 tuổi, tôi kết hạ tại Kim Đình Tây, chùa Tiểu Hồ, giảng qua một lần cho 9 vị Tỳ-kheo, trong số đó có 3 vị Đại đức: Triết Nhân, Tự Quán, Duyên Huyền là thuộc hạng đáng quan tâm.

Năm 36 tuổi, mùa Đông, tại Ngô Môn, nơi am Huyền Trú, tôi lại giảng qua một lần nữa. Người nghe độ 5, 6 vị, hai Tỳ-kheo Tự Quán và Tăng Tự có khả năng thực hành.

Năm 38 tuổi, tôi vào núi Cửu Hoa, năm 40 tuổi, tôi vào đất Mân Trung. Năm 44 tuổi tôi đến Điều Thành. Từ đó đến 13, 14 năm sau, tôi tự thấy không thể thực hiện được gì thêm vì không có người để trao đổi mà khả năng mình thì có hạn. Ba vị Triết Nhân, Tự Quán và Tăng Tự đều quá vãng cả. Luật học thật đã không phát huy được.

Năm 51 tuổi, mùa Đông tôi từ Kim Lăng về khu mình ở Linh Phong; mùa an cư năm sau, mới có chừng 10 vị phát tâm học Luật và họ yêu cầu tôi giảng lại bộ Luật này. Nhân nghĩ đến số tài liệu đã soạn trước, tuy

các điều hay đã thấm vào, nhưng chưa chọn lọc từng vấn đề. Hơn nữa, hai phần “vấn biện” và “âm nghĩa” chưa khắc in, chỉ bằng gom vào bộ *Tập yếu* này mà chỉnh đốn lại. Sau đó, tôi san định, loại bỏ những chỗ rườm rà, giữ lại những phần thiết yếu và gọn gàng, để những người cần độn khởi phải than phiền trước sự mênh mông như biển cả của Luật học.

Ngày 21 tháng Sáu năm Canh Dần (1650), Cổ Ngô, Ngẫu Ích, Sa-môn Trí Húc tự viết bài tựa này.



KHAI TỪ

Tạng luật là kỷ cương của Phật pháp, là mạng sống của Tăng-già, là bến lành nơi bể khổ, là đường chính đưa đến Niết-bàn. Khởi đầu từ Kê Viên¹, đức Thế Tôn đã đề xướng Luật học, bằng cách Ngài gọi: “Thiện lai Tỳ-kheo” thì người được gọi, giới thể thành tựu, cho đến khi Thế Tôn thị tịch tại Sa-la song thọ, chính Ngài dặn dò rằng: “Giới luật là quan trọng nhất”.

Tuy rằng do người vi phạm mới chế giới, nhưng giới thể hiệp Ngay với vô tác; nên tùy duyên mở ra, tùy trường hợp ngăn cấm, đó chính là nêu cao sự sống động vi diệu và bao quát của Luật học.

Giới luật là con đường chung của cả Đại thừa và Tiểu thừa, đâu phải chỉ là nẻo riêng của Thanh văn.

Buồn thay! Cuối đời tượng pháp, con người mù mờ, không đạt được chơn tông; Kẻ ngu muội bởi kiến văn hẹp hòi, người cuồng trí thì rơi vào ngạo nghệ; hoặc có người dựa vào thiên cơ để trốn tránh, lại có kẻ lấy

¹ Kê Viên: Ở Tây Trúc có chùa Kê-đầu-ma cách Lộc Uyển (vườn nai) không xa. Cho nên kinh Đại Phật đánh nói: “Ta ở Lộc Uyển, cũng ở Kê Viên”. (xem Như Lai tối sơ thành đạo).

*Phương quang*², để sơn thép cách nói năng. Các vị ấy đều bị lệ thuộc vào văn tự, mấy ai hiểu được thật nghĩa. Như ngài Huệ Năng đặc tâm ấn nơi Hoàng Mai ngũ Tổ, tại sao ngài không ra hoàng hóa ngay ở Tào Khê mà cần phải đăng đàn thọ giới Cụ túc, Quốc sư Trùng Quán hoàng dương giáo lý *Hoa nghiêm* nơi núi Ngũ Đài, là bậc mô phạm cho cả triều đình đến dân gian mà còn lập ra mười lời thề để giữ thân. Khi đức Đại Hùng còn tại thế, Pháp bảo và Tăng bảo đều do bậc Chánh Giác phát huy, nhưng khi Thế Tôn thị tịch thì Phật bảo và Pháp bảo đều được kiến lập từ Tăng-già. Nếu Tăng-già chỉ có 10 giới trọng và 48 giới khinh thì khác nào kẻ tại gia, và nếu không có Năm thiên Bảy tự³ thì làm sao biết được sự thoát ly thế tục là cao cả?

Thế nên biết rằng, kinh *Phạm võng* bao gồm cả năm đạo, chỉ trừ địa ngục, vì xuyên suốt nhau nên

² Phương quang: là tên chỉ chung cho kinh điển Đại thừa, với 12 bộ kinh thì kinh Phương quang nếu theo thứ tự là thứ 10 trong 12 bộ.

³ Bảy tự (thất tự): Căn cứ vào sự khác biệt của năm thiên đã kết thành quả tội, cùng cái nghĩa cấp yếu của nó để thiết lập Bảy tự. Trong những trường hợp tội quả sát soát với Ba-la-di hay Tăng tàn, vì chúng chưa thành nên ở đây gọi là Thâu-lan-giá và tội Đột-kiết-la của hai nghiệp thân, khẩu được phân định trở lại là Đột-kiết-la, chỉ cho thân gọi là ác tác, còn khẩu gọi là ác thuyết. Do đó bảy tự gồm có: Ba-la-di, Tăng tàn, Thâu-lan-giá, Ba-dật-đề, Đề-xá-ni, ác tác, ác thuyết.

thành ra rộng lớn. Tạng luật chỉ áp dụng cho loài người ngăn ngừa các nạn. Vì chế như vậy nên trở thành tôn quý. Ất hẳn có người ngưỡng mộ Đại thừa nên không chịu lệ thuộc vào tiểu tiết, tự mình để tóc, không mặc pháp y, muốn làm đóa sen trong biển lửa. Nếu như các vị ấy có lòng thương đời mặt pháp, có chí làm bậc trụ cột, sao lại buông lung phóng túng theo ý mình, cam làm con giòi trong thân con sư tử vậy?

Trí Húc tôi, tự nghĩ mình nghiệp chướng nặng nề không thể tu hành theo lý huyền diệu được, lại buồn vì tuổi đã lớn, mà chưa được gần gũi các bậc Hiền triết. Đau đớn nhất là không níu kéo được thời gian, nên tôi từ già mẹ hiền đi xuất gia, và nghĩ rằng Tịnh độ có thể về. Tôi ái mộ đại sư Liên Trì nhưng chỉ được học với ngài qua sách vở để lại.

Biện biệt về kỷ cương của Tông mỗi khi nhớ đến phong thái của ngài Tư Bá, hộ pháp quên thân, nguyện kế tục theo phái Khuông Sơn, mà thấy kẻ lưu tục đương thời nên than thở, đọc kinh *Di giáo* lại càng thêm buồn tủi.

Mãi đến cuối mùa Đông năm Giáp Tý, tôi làm lễ tháp Vô Lượng Quang, lòng càng bội phục nên phát tâm tăng thượng, cầu xin các bậc Cổ đức Xà-lê chứng minh, để học giới Bồ-tát. Sau đó, tôi tham khảo Luật bộ của Đại thừa và Tiểu thừa, lấy *Tứ phần luật* làm chuẩn, và tham khảo luật của những bộ phái

khác, soạn thành bộ *Sự nghĩa yếu lược*. Tôi làm việc này với cái khả năng nhận thức ngu muội què mùa, do đó, không thể trình bày hết sự cao rộng của Luật học được, nhưng việc làm này là để tạo tư lương cho mình với sự vô tâm không vụ lợi.

Mùa Xuân năm Mậu Thìn, tôi gặp Tuyết Hàng Tiếp Công, lòng rất mừng vui vì ngài nghiêm tịnh Tỳ-ni. Nhân đó tôi có ý muốn vào núi gấp để tra cứu lại những chỗ trích lục (ghi chép) vẫn còn nhiều sơ sót. Tôi đến hang Thiên Long Cư, xem lại văn trong Tạng, không luận bộ phái mình hay tông phái khác, những vấn đề nào chính yếu tôi đều trích lục cả, tra cứu những chỗ khinh trọng của Luật rất tận tường, để xác định rõ ràng tiêu chuẩn của sự khai, giá. Đồng thời, tôi tra cứu Đại luật, tìm cho được nguồn gốc sự đồng dị, và hết sức tránh những ý kiến riêng tư, nên không mắc phải cái sai là chê Tiểu thừa, do đó những kẻ thích sự thẳng mực, khó có cơ mượn lý Đại thừa để phê phán. Tôi khảo đính thành một pho, đặt tên là “*Tỳ-ni sự nghĩa tập yếu*”.

Tôi tham khảo ý kiến của các bậc Chân Tịch, Bốc Lão nhân, thiền sư Bác Sơn Vô Dị thì các ngài đều khuyến khích khắc bản lưu thông.

Sau đó, tôi lại cùng với hai pháp hữu Bích Như và Quy Nhất xem xét thảo luận lại cho chắc chắn, và bổ túc cho hoàn chỉnh.

Kim Đài Pháp Chủ ở chùa Phật Nhật rất hoan hỷ và cho khắc bản. Cơ duyên hưng khởi của Phật pháp chắc chắn nhờ vào lúc này.

Nhưng than ôi! Tập yếu lược đây ví như hạt bụi nhỏ, đối với thể của Luật như núi cao mầu nhiệm. Đây là kết quả do khả năng kém cỏi của tôi, nhưng có thể nói là hết sức mình.

Tôi tự hận, sự hiểu biết của mình quá thô sơ, hành trì lại thiếu kém, nhìn lên rất thẹn với bậc Hiền triết đi trước, nhìn xuống thêm tủi hổ với hàng hậu tấn. Rất mong các bạn lành đồng học, xét chỗ tâm thành của tôi, thương cho sự không bén nhạy lạc hậu của tôi, cùng một lòng, một trí phò trì vận mệnh của Phật pháp, báo đáp phần nào ân đức Phật.

Đầu mùa Xuân năm Tân Mùi, Trí Húc viết tại chùa Cao Đình Cổ Vinh Khánh.



NGUYỄN BẠT

Luật Ma-ha Tăng kỳ nói:

“Thiện nam tử nào muốn xây dựng Phật pháp, cần phải quyết tâm thọ trì Luật này. Vị nào muốn cho Phật pháp cứu trụ tại thế gian, cần phải quyết tâm thọ trì Luật này. Vị nào tâm sợ sệt vì phạm tội, muốn tìm chỗ nương tựa, cần phải quyết tâm thọ trì Luật này. Vị nào muốn không còn có nghi hối để khỏi phải hỏi người khác, cần phải quyết tâm thọ trì Luật này. Vị nào muốn đi du hóa khắp nơi, không bị trở ngại thì cần phải thọ trì Luật này”.

Luận Tát-bà-đa nói:

“Tỳ-ni có bốn nghĩa mà kinh khác không có:

- *Một là vùng đất bằng của Phật pháp, các thiện pháp đều sanh trưởng từ đó.*
- *Hai là tất cả đệ tử của Phật đều y vào luật để sinh hoạt, và tất cả chúng sanh do giới mà có.*
- *Ba là cửa ngõ đầu tiên để đến Niết-bàn.*
- *Bốn là xâu chuỗi ngọc để trang nghiêm Phật pháp.*

Do đủ bốn nghĩa này nên không có gì quý bằng Luật”.

Than ôi! Lợi ích của giới đâu phải là nhỏ, tại sao cách Phật đã xa, việc nhầm lẫn lại nhiều, và chúng sanh đời mạt pháp ít gặp bậc chơn phong?

Từ khi giới luật truyền vào Trung Quốc, khởi đầu từ ngài Tăng Khải đời Tào Ngụy, ngài Tự Huy và Hoài Tố Luật sư đến nay, những bậc am tường về luật thật là hiếm. Đôi khi có một hai vị Đại sĩ thông suốt hoàng truyền thì đã không được như sư tử ra khỏi hang, chẳng khác nào như con ngỗng chúa chọn sữa uống (chừa nước), gần thì bỏ cương tôn của 5 bộ, mà nhận lấy những cương mục hỏi đáp bên cạnh, chú trọng gấp điều đáng hoãn, hoãn lại điều đáng gấp, tự mâu thuẫn nhau, mất dê ngày càng dài. Do đó, bậc hào kiệt chưa từng hỏi đến. Vậy thì biết nhờ đâu cho mặt trăng giới sáng giữa đêm sâu, duy trì giếng mối cũ khỏi bị đứt tuyệt.

Thọ Trù tôi, đọc kỹ những tài liệu để lại, phát sinh nhiều mỗi cảm xúc. Tôi thấy sư huynh Trí Húc, nặng tình với Chánh pháp, lòng bi nguyện rất sâu, tham khảo hết chỗ kín đáo của Luật tạng. Tự chọn *Tứ phần* làm cương lĩnh và dựa vào các bộ khác để soi sáng, tìm tận nguồn nước để lấy được cam lồ, góp lại thành nhiều quyển, đều tuân theo lời dạy của Cổ đức, không phải những lời nói ngoa, mong sao ai uống được một giọt, có thể trị hết những bệnh lâu ngày; ai uống no đủ thì bệnh mới không phát sinh. Biển giới sẽ được trong sáng là chính nhờ ở hành động này.

Không biết nhờ đời trước tôi đã làm nhân tốt gì mà nay được dự phần trong pháp tịch Tỳ-ni? Vì quá vui

mừng nên vội nếm trước, và gởi vài lời vào cuối sách này.

Người biết Chánh pháp, ắt không phải vì mưu tính mà làm; kẻ bất tiếu, thì không hòa theo cái đẹp của người khác.

Mùa Xuân năm Canh Ngọ, người em trong Luật học, hậu học U Khê Thọ Trù kính ghi.

(Bài bạt này nằm ở cuối quyển thứ 18 của bộ Tỳ-ni sự nghĩa tập yếu, nay để vào nơi đây cũng theo sự sắp xếp của bản Trùng trị cũ).



TỔNG VẤN BIỆN

HỎI: - Luật học chú trọng đến chỗ tin chắc, và nỗ lực hành trì. Ai giữ được Năm thiên, chắc sanh vào cõi trời cõi người; nhưng khi phước của họ nếu hết, tương lai sẽ ra sao? Người nào tu theo Tông, Giáo: trước hết, phải biết mở mắt ra, sau đó đạo cộng giới¹ mới sanh, đó là việc cần gấp. Người xưa có nói: Quý ở chỗ thấy tánh, không quý ở hành trì, há không đúng hay sao?

ĐÁP: - Luật học là nhân chánh để xuất thế. Thành tựu giới Ba-la-mật mới đạt đến địa vị Phật-đà. Vậy Luật học đâu phải chỉ là phước báo của cõi trời, cõi người! Sự kiến tánh của Tông, Giáo tuy rằng giống nhau, nhưng muốn rời giới luật để nói riêng về Giáo và Tông thì đó chỉ là bỏ sự cầu lý, rơi vào ác tri kiến.

¹ Đạo cộng giới: là 1 trong 3 loại luật nghi của Thánh giả Tam thừa. Khi hành giả nhập vào sắc giới thì sẽ phát ra định Vô lậu, cùng với trí Vô lậu, ở trong thân tự phát ra được giới thể phòng phi chỉ ác (luật nghi Vô lậu), đó gọi là luật nghi Vô lậu hay cũng gọi là Đạo cộng giới. Vì luật nghi Vô lậu cùng với Đạo vô lậu cùng phát sanh và cùng diệt, cho nên gọi là Đạo cộng giới.

Ngài Qui Sơn có nói: “Chưa thân cận và học hỏi theo giới luật thì chơn nghĩa của Tối thượng thừa làm sao thấu triệt được?”

Tôn giả Kinh Khê nói: “Bốn giới đầu làm cảnh, sáu giới sau quán chung, sự lý tương tức”².

Nên biết rằng: Thiên và Tu không thể thiếu sót. Người đời coi thường Sự mà lại muốn đạt đến Lý sâu, xét ra quan niệm này rất hư huyền, không có cơ sở gì cả. Đã thiếu cảnh quán thì lấy gì để quán? Nhưng dù Tông hay Giáo đều có răn dạy rõ ràng, tại sao không nghĩ đến điều ấy?

Người xưa sử dĩ nói: “Quý ở chỗ thấy tánh, không quý ở hành trì”. Chính vì có thấy tánh tức có hành trì, nhưng có hành trì chưa chắc đã thấy tánh. Nay ta lại cho rằng giới pháp Vô thượng của đức Phật thuộc nhơn, thiên, bỏ cả Luật nghi, chỉ nói suông về Đạo cộng giới, chánh kiến đã bị phá thì hành trì sai là lẽ dĩ nhiên. Như vậy chắc chắn bị đọa trong ba đường ác, tuy muốn sanh vào trời, người nhưng cũng không thể được.

² Mười giới: Theo đại Kinh thì có 10 loại: 1. Cấm giới; 2. Thanh tịnh giới; 3. Thiệm giới; 4. Bất khuyết giới; 5. Bất chiết giới; 6. Đại thừa giới; 7. Bất thối giới; 8. Tùy thuận giới; 9. Tất cánh giới; 10. Cụ túc Ba-la-mật giới. 4 giới đầu thuộc về sự là cảnh để quán. Còn 6 loại sau thì dùng lý sự tương tức quán. Trong 6 giới này thì giới thứ năm là giới không quán tương ứng, giới thứ 6, thứ 7 và 8 thuộc về giới giả quán tương ứng, giới thứ 9 và thứ 10 thuộc về giới trung quán tương ứng.

HỎI: - Đòi mật pháp con người căn tánh chậm lụt, chỉ nên nói gọn. *Tứ phần luật* vì ai cũng sợ sự phức tạp chi ly của nó, nên chỉ đặt lên chỗ cao mà thờ. Nay bộ *Tập yếu* này lại trích dẫn thêm các bộ Luật khác càng thêm phiền toái. Tại sao không lấy ngay *Giới bốn Tứ phần* để giải thích gọn các chỗ nghi ngờ, có hay hơn không?

ĐÁP: - Đòi mật pháp, con người căn tánh chậm lụt, chỉ thích gọn không ưa rộng là một chứng bệnh, cố thủ sự ngu si, không hiểu biết. Càng theo xu hướng ấy càng đi xuống mà thôi, cuối cùng không bao giờ giải tỏa được sự nghi ngờ. Nay muốn cứu vãn cái khổ nạn ấy, cần phải học rộng, phá bỏ sự hẹp hòi, mới có thể có chỗ y cứ. Nếu chỉ đem *Giới bốn Tứ phần* giải thích sơ qua thì làm sao phân tích cho rõ các vấn đề khai, giá, trì, phạm; người ưa chuộng Phật pháp còn khó thông đạt được, huống chi kẻ theo thói biếng nhác, không chịu để ý đến, tới lui sai quấy, có ích lợi gì!

HỎI: - Pháp môn niệm Phật, rộng lớn lại dễ dàng, chỉ tin theo và hành trì là được. Hành giả cố gắng nhất tâm niệm Phật tự nhiên ngăn được điều sai quấy, chặn đứng các điều ác, phiền gì phải cần cù cả năm học pháp luật này, danh tướng mênh mông phiền toái, không đơn giản chút nào. Quả vị do trì giới, cao lắm là Thanh văn, rộng lớn gì đâu; như vậy sợ rằng không bằng chuyên chú phát triển một pháp môn vi diệu của Tịnh độ?

ĐÁP: - Trì giới và niệm Phật vốn là một pháp môn chứ không phải hai đường; tịnh giới là nhơn, Tịnh độ là

quả. Nếu ta gọi việc niệm Phật là đường tắt còn Luật học là đi quanh thì chính ta đã đi ngược lại lời giáo huấn tha thiết cuối cùng của đức Phật thì làm sao thành tựu được niệm Phật tam-muội? Lại nữa, giới như biển không bờ, như bầu cầu không chán, sao lại không rộng lớn? Làm là phạm, đình chỉ là trì, bảo đảm giải thoát, sao lại không đơn giản; Thế nên người nhất tâm niệm Phật, tuy có thể ngừa điều sai, chặn việc ác, nhưng người chuyên tinh Luật học, thật là kẻ giữ lấy lời dạy sáng ngời của đức Phật. Hiện tại làm hưng thịnh ngôi Tam bảo, khi lâm chung sanh lên cảnh giới thượng thượng phẩm. Sự vi diệu của pháp môn nào, làm sao hơn thế được!

HỎI: - Đức Như Lai giảng sanh ở Ấn Độ, những giới luật thuộc về giá tội đều chế cấm do sự chê trách của cư sĩ đời này, song cũng tùy theo địa phương mà giới luật có thay đổi. Nay ở xứ ta, nếu không tuân hành, chưa chắc cư sĩ đã chê trách. Giả sử bỏ đi các giới vi tế, có gì sai với luật Phật dạy đâu? Lại nữa, nay thời mạt pháp, ngoại duyên hỗ trợ không nhiều, chính nhân bên trong lại mỏng và ít, nên muốn giữ lại tất cả các giới để không phạm, thì làm sao diễn giảng giáo pháp cho rộng rãi. Giữ gìn trọn vẹn các tiểu tiết để mất sự lợi ích lớn lao, đâu phải là bản tâm của Bồ-tát, kẻ chơn chánh học Nhất thừa như vậy sao?

ĐÁP: - Đức Như Lai với tri kiến sâu rộng, Ngài vì chúng sanh khắp trên đại thiên thế giới chế ra giới luật. Còn lục quần Tỳ-kheo đều là bậc đại quyền Bồ-tát thị

hiện, tự đặt mình vào hình thái của chúng sanh đời mạt pháp, nên tạo ra các nhân duyên phạm giới. Chính do tính người lười biếng, không giữ những giới trọng và giới khinh nên làm cho pháp của Phật suy đồi. Nay muốn hoằng truyền Tông, diễn thuyết Giáo nghĩa đều phải lấy trì giới làm gốc. Vị nào giới luật tinh nghiêm thì chánh nhân bên trong đôn hậu, phụ duyên bên ngoài tự đầy đủ; trong tướng bạch hào³ một phần sáng rực, quả quyết không phải là lời nói hư cuồng. Nếu ta cho giới là tiểu tiết, tức hủy báng Chánh pháp. Người như vậy thì giảng về Tông, thuyết về Giáo đều là chuyện vu vơ vô ích. Nếu có thu hoạch được ảnh hưởng ngoại duyên nào, thì tất cả đều là ma nghiệp có ích lợi gì cho Chánh pháp.

HỎI: - Chư Tổ ở Tây Trúc đều tinh thông tam học. Tại đất nước thô lậu này, thời gian cách Phật lại xa, tri kiến mọi người lại hẹp hòi, từ đời Đường, Tống trở lại đây có vài vị Tôn túc, đạo phong sáng tỏ dưới rừng cây, bên dòng suối nước, núp dưới vài tấm phen, với một cây cuộc tự sống một đời thuần tịnh. Đến khi các vị ấy ra lãnh chúng thì đưa ra quy tắc: “Một ngày không làm, một ngày không ăn”, đến lúc độ người thì lại dùng

³ Tướng bạch hào: là 1 trong 32 tướng của đức Như Lai. Tướng của nó là một cái lông sắc trắng ở giữa hai đường lông mày của đức Thế Tôn, xoáy tròn về phía hữu như mặt trời giữa trưa, phóng ra ánh sáng. Lúc mới sanh ánh sáng dài cỡ một thước, lúc thành đạo dài cỡ một trượng năm thước, cho nên gọi là tướng lông trắng.

tiếng hét và gậy làm phương tiện để đưa người hướng thượng. Tất cả những phương tiện ấy đều không tương ứng với giới luật. Thế mà những người hảo tâm xuất gia đều theo lối hành cước⁴ vào núi, rồi sau đó lên tòa đắp y, những người sau này đều bắt chước theo cách ấy. Ngày nay bao nhiêu người làm theo như Tổ, họ có thật là Tỳ-kheo không? Nếu không phải là Tỳ-kheo thì làm sao kế thừa được địa vị của chư Tổ? Nếu họ là Tỳ-kheo tại sao không tuân theo Luật chế? Lại nữa, những người kế thừa địa vị của chư Tổ xem nhẹ Luật học, không biết chư Tổ đi trước có xem nhẹ Luật học như vậy hay không? Lại nữa, ngày nay những người kế thừa địa vị chư Tổ, tuy không tuân theo giới luật nhưng họ lại truyền giới cho người; không rõ chư Tổ đi trước có truyền giới cho người đi theo kiểu đó hay không?

ĐÁP: - Chư Tổ đi trước có 3 hạng:

- *Bậc thứ nhất*, nghiêm trì giới luật thanh tịnh làm mô phạm cho ba cõi, như các ngài: Huệ Viễn, Trí Giả, Tả Khê, Vĩnh Gia, Kinh Khê, Đại Mai, Vĩnh Minh, Giác Phạm, Cao Phong, Trung Phong, Sở Thạch v.v...

⁴ Hành cước: là từ chuyên môn dành cho các thiền Tăng, trước khi chưa chứng ngộ phải lấy việc đi tham học nơi các Thiền sư làm sự nghiệp cho mình, nên vấn đề đi tham học là sự nghiệp chính. Tổ đình sự uyển có nói rằng: “Người hành cước là người xa lìa làng xóm đi hành cước trong thiên hạ, dứt bỏ tình cảm trói buộc, tầm phỏng thầy bạn để cầu pháp chứng ngộ, bởi vì học vô thượng sư nên phải trải khắp”.

Ngài Giác Phạm không ăn phi thời, ngài Trung Phong mùa Đông mùa Hạ chỉ mặc một y. Những tấm gương sáng đó được ghi đầy đủ rõ ràng trong sử sách. Từ xưa đến nay, những bậc Tri thức như vậy cũng nhiều, là chỗ đáng kính ngưỡng để chúng ta bắt chước theo.

- *Bậc thứ hai*, sống trong đời mạng pháp, ở vào hoàn cảnh bất đắc dĩ, tuân theo di mệnh của Phật, song lại lược bỏ các giới vi tế, ở chùa thời cày cấy trồng trọt, lãnh chúng thời khai khẩn ruộng đất. Nhưng đối với các giới không ăn phi thời v.v... các vị ấy vẫn tuân hành đầy đủ. Trong *Bách Trượng thanh quy* gọi bữa ăn chiều là thuốc chữa bệnh mà không gọi là ăn cháo, chỉ cho là uống thuốc phi thời, thuốc bảy ngày, thuốc trọn đời mà thôi.

Lại nữa, ngài Đức Sơn đem cát bình bát vì thấy mặt trời đã xế. Từ những chi tiết đó, nên biết rằng vấn đề không ăn phi thời đã được sáng tỏ; nhưng những bậc Tri thức ấy đâu dám vì người truyền giới. Cho nên, từ đời Đường, Tống trở lại, Thiền sư thì có chùa của Thiền sư, Giảng sư thì có chùa của Giảng sư, Luật sư thì có chùa của Luật sư. Những người khi mới xuất gia phần đông học luật đầu tiên, ai có sở đắc về luật thì lấy luật làm tông phái của mình, nếu ai không có sở đắc về luật thì theo học giáo thuyết hay tham thiền, nhưng họ chỉ bỏ các giới nhỏ nhặt chứ không bỏ các trọng giới và tánh giới. Nếu ai không học luật thì tìm đến Thiền giáo để tham học, đây gọi là thừa gấp giới hoãn, nhưng vẫn giữ gìn 5 giới căn bản, tránh việc không hủy báng hay

phạm trọng giới, các vị ấy vẫn không dám xưng là Tỳ-kheo và chắc chắn không dám khinh thường người học luật, họ tự thẹn là không thể hành trì theo giới luật, lấy đó làm đức tâm quý. Những vị ấy khi nhập thế tiếp độ mọi người thì họ thọ giới lại, để tánh giới và giá giới⁵ đều thanh tịnh như đức Lục Tổ Huệ Năng v.v... Hoặc tự tu tự chứng, gặp cơ duyên chỉ tiếp độ một lần như ngài Thọ Xương. Có người hỏi ngài Thọ Xương:

“Phật chế Tỳ-kheo không được đào đất, tổn thương cây cỏ. Tại sao ngày nay ngài tự cày, tự gieo cây hạt, tự làm cỏ, tự gặt hái?”

Ngài đáp:

“Chúng tôi chỉ ngộ được tâm Phật, truyền thừa ý chỉ của chư Tổ sư, chỉ bày cho người có duyên thấy được tâm tánh. Nếu đem Chánh pháp mà xét thì chúng tôi chỉ có thể gọi là cư sĩ trồng dâu, chứ đâu xứng danh Tỳ-kheo”.

Lại hỏi:

“Giả như ngày nay có người hành trì được giới Tỳ-kheo đúng như Pháp thì ngài đối với vị ấy thế nào?”

Ngài đáp:

⁵ Tánh giới và giá giới: Tánh giới là giới của chính tự tánh, ví như tự tánh của sắt, đao, dâm là giới không đời Phật chế mới có giới nên gọi là tánh giới. Giá giới là ngược lại với tánh giới, nghĩa là những giới này do tướng phạm mà căn cứ vào đó đức Phật chế ra để răn cấm không cho phạm.

“Nếu thật có hạng người như vậy, nên kính họ như Phật, hầu hạ đúng như pháp thờ thầy. Chúng tôi không phải không làm, mà thật sự chưa thể làm được vậy”.

Lại như, Đại sư Tử Bá suốt đời chỉ ăn cháo buổi sáng, ăn cơm buổi trưa, ngoài ra không ăn tạp, hơn 40 năm không nằm, hành trì như vậy mà ngài còn cho rằng chưa giữ được các giới vi tế, nên trọn đời không dám truyền giới Sa-di hay Tỳ-kheo cho người khác. Trường hợp bất đắc dĩ, ngài chỉ truyền 5 giới mà thôi.

Than ôi! Các vị Tổ sư trên đã tôn trọng giới luật như vậy, đâu dám xem thường, nếu ai khinh thường giới luật chắc chắn thuộc loại tà kiến, chẳng phải chơn thật là bậc mô phạm.

– *Bậc thứ ba*, thì đại vận dụng phương tiện, xem xét các cơ duyên lợi ích, phá nghi chấp cho người, nên không câu chấp vào quy tắc thường áp dụng. Như ngài Văn-thù Bồ-tát cầm gương bức Phật⁶ ba nơi phá hạ. Tỳ-

⁶ Văn-thù Bồ-tát cầm gương bức Phật: (Truyền thuyết) theo kinh Đại bảo tích quyển 105 nói: “Khi 500 vị Bồ-tát được trí Túc mạng biết về nhiều kiếp trước đã tạo nhiều trọng tội, vì vậy nên lo tu hối hận khiến không thể chẳng được Vô sanh pháp nhẫn. Lúc bấy giờ, ngài Văn-thù biết được tâm niệm của họ, ở trong đại chúng trích áo vai phải, tay cầm kiếm bén hướng thẳng về đức Thế Tôn muốn hại ngài, đức Phật bảo ngài Văn-thù chớ hại Ta, nhưng nếu muốn hại thì nên hại một cách khéo léo. Vì sao vậy? Vì tất cả các pháp như mộng huyễn, không ngã không nhơn, bị ai sát hại mà thọ tai ương? Lúc ấy, các vị Bồ-tát biết rằng các tội kiếp trước của mình

kheo Trùng Thăng cùng người đồng nữ ngôi khiến cho họ chứng quả Vô sanh. Đến như Hàn Sơn, Thập Đắc mắng cả Luật chủ, Quy Tông Nam Tuyên chặt răn, giết mèo... Những hành động ấy, vào lúc quyền hiện không thể không làm. Như thầy thuốc giỏi dùng vị tỳ sương⁷ để chữa bệnh. Đại tướng lập trận đồ để dẹp giặc, chẳng qua là chỉ dùng trong nhất thời, không thể đưa vào quy tắc của sách vở cần yếu hàng ngày.

Lại như những hành động la Phật, mắng Tổ, đánh thật đau, hét thật lớn, đều là việc bất đắc dĩ phải sử dụng. Thường gọi: “Bình là vật bất tường” chính là nghĩa đây vậy. Không phải như dùng gạo, đậu, lúa, bắp để so sánh được. Cách sử dụng hình như ngược lại với luật, nhưng người trì luật chơn chánh đã nắm được ý chỉ của luật. Trường hợp như Mạt-lợi phu nhơn uống rượu để cứu người khỏi chết; đức Phật tán thán phu nhơn là người giữ trai giới chơn thật.

đều như huyễn hóa nên đạt được Vô sanh pháp nhẫn, khắp miệng đồng nói kệ rằng:

Văn Thù người đại trí,
Đạt sâu nguồn gốc pháp.
Tự tay cầm kiếm báu,
Quyết bức thân Như Lai.
Như kiếm Phật không khác,
Một tướng không có hai.
Không tướng không chỗ sanh,
Ở đây sao gọi sát.”

⁷ Tỳ sương 砒霜: cũng gọi là thạch tín là một loại thuốc độc, uống vào chết người.

Bồ-tát giới bốn chép: Bồ-tát thấy việc thiết yếu phải làm thì được phép sát sanh, ăn trộm... hành động có mục đích lợi ích như vậy, Bồ-tát không bị phạm giới, mà còn sanh trưởng nhiều phước đức. Nếu như sử dụng sai chỗ thì sẽ tạo ra nhận định sai lầm cho người đi sau, tai hại không nhỏ, như Ưu Mạnh bắt chước Thúc Ngao⁸.

Những kẻ Tông chẳng phải Tông, Luật lại không phải Luật, hủy báng Đại Bát-nhã, gây nghi ngờ, tạo sai lầm cho người hậu thế, quả báo trong ba đường ác làm

⁸ Ưu Mạnh là nhạc công của Sở Trang Vương trước đời Tần, giỏi khôi hài can gián. Tể tướng Tôn Thúc Ngao rất coi trọng phẩm đức của ông, lúc lâm chung di chúc cho con sau này có gì khó khăn nên tìm đến Ưu Mạnh. Sau này, quả nhiên con Tôn Thúc Ngao nghèo đến nỗi phải đi đốn củi để sống qua ngày, bèn tìm Ưu Mạnh xin giúp đỡ.

Ưu Mạnh mặc quần áo của Tôn Thúc Ngao, mô phỏng động tác và lời nói của Tôn Thúc Ngao... Luyện tập bắt chước hơn một năm, ông cải trang thành Tôn Thúc Ngao. Một lần, Trang Vương mở tiệc, Ưu Mạnh bước lên dâng rượu, khiến Trang Vương tưởng Tôn Thúc Ngao tái sanh, muốn mời về làm Tể tướng lần nữa... Ưu Mạnh trả lời: “Vợ con của thần làm Tể tướng nước sở là không xứng đáng, như Tôn Thúc Ngao trung thành liêm khiết cai trị quốc gia, làm cho nước Sở xưng bá trong thiên hạ, thế mà đến khi chết con cái nghèo không có cơm ăn...” Rồi Ưu Mạnh hát khúc ca, đại ý... Làm quan sạch thì nghèo khổ... Trang Vương nghe khúc ca tỉnh ngộ, cho gọi con trai Tôn Thúc Ngao ban thưởng đất đai và nô bộc. (Bách khoa thư văn hoá cổ điển Trung Quốc – Nxb Văn hoá thông tin).

sao tránh khỏi; giả như vì khuyến dụ kẻ ngu si hướng về Tam bảo, mà làm các phước nghiệp tà mạng, do phước lực này giữ gìn không bị đọa lạc ngay, nhưng cuối cùng vẫn là quyến thuộc của ma vương ngoại đạo, không phải là đệ tử của Phật.

Trong đời mạt pháp loại ma tà như vậy rất nhiều. Chúng đối gạt thế gian, lại nhờ sức hỗ trợ của ma vương nên được cúng dường đầy đủ. Chúng thường tụ tập cả trăm ngàn quyến thuộc con cháu của chúng, phân bố khắp thế gian, chúng hủy giới luật của Như Lai. Người ngu không hiểu biết tham muốn danh tiếng của chúng nên tranh nhau bắt chước, làm cho những người hảo tâm xuất gia đều bị đọa lạc vào bè đảng của chúng, họ muốn cầu thoát ra, lại bị rơi vào, thật đau lòng biết bao! Song những người ấy, nhờ Tam bảo làm cảnh sở duyên, nên khi tội báo hết lại nhờ vào năng lực của Phật Pháp Tăng độ thoát. Như người bị té trên đất nhờ dựa vào đất được đứng dậy. Những người này so với những người không nghe danh hiệu Tam bảo còn hơn một bậc. Thế nên Ma vương nói với đức Phật:

“Chúng tôi ở trong đời mạt pháp của Ngài, sẽ sai quyến thuộc của chúng tôi, ăn cơm của Ngài, mặc áo của Ngài, ở nhà của Ngài để phá hoại giáo pháp của Ngài”.

Đức Phật bảo Ma vương rằng:

“Các người chỉ tự phá lấy mình chứ pháp của Ta không thể bị phá hoại được”.

Nay ai muốn không bị đọa vào ba đường ác, đi thẳng lên quả Thánh, thì trì giới là việc làm hàng đầu.

Nếu ai không thể giữ giới được, nên tán thán giới, tự thân phải tầm quý.

Ai tự mình đã mang danh thọ giới, sao lại xem thường giáo pháp? Tự thân không giữ giới tinh nghiêm mà lại làm thầy truyền giới cho người, đã vì người truyền giới, lại không dạy người học giới đúng như pháp, thế mà những vị này còn nói: “Giới luật là Tiểu thừa, không cần phải học tập”. Những người này chắc chắn phải đọa vào tam đồ, làm quyến thuộc của ma, tự mình thọ lấy cái khổ đã tạo ra, không ai có thể cứu được. Tuy vậy, cuối cùng ai cũng có thể thành Phật được. Tôi đâu dám khinh thường họ!



PHẠM LỆ

1) Văn dịch trong Luật tạng rất phức tạp, nay muốn cho người học dễ nắm được, nên tôi nhằm vào ý nghĩa chủ yếu, lược bớt văn tự. Văn tuy được rút gọn, nhưng ý nghĩa chính vẫn giữ nguyên, nếu vị nào không tin, xin cứ đem Luật tạng ra đối chiếu.

2) Sau khi đức Như Lai diệt độ, Luật tạng được kết tập, ban đầu không có chủ trương riêng của từng bộ phái. Sau này do kiến giải sai khác, nên phân thành nhiều bộ, khi đã phân thành bộ phái, tất nhiên ai đi theo chủ trương nấy. Như ngài Nghĩa Tịnh chỉ hoàng dương *luật Căn bản*, ngài Hoài Tố đề cao *luật Tứ phần*, cho nên khó mà hội thông được.

Sợ rằng: Có học xứ bị bên này bỏ ra, lại được bên kia thu dụng, hoặc bỏ giới giá lấy giới khai, đưa đến tình trạng chú trọng giới khinh, xem thường giới trọng. Tôi phỏng theo ý chỉ của Luật sư Nam Sơn để đả thông tất cả sự dị đồng của các bộ. Chính yếu là sử dụng những ý kiến hợp lý nhất, không dựa vào cơ sở nào hết, như tránh né, thu dụng hoặc loại bỏ. Mục đích chính là hoàn thành việc tổng hợp những quan điểm đúng của các bộ phái. Ngõ hầu khế hợp được bản ý của Như Lai.

HỎI: - Tuyên luật sư sử dụng các bộ phái còn bị Hoài Tố luật sư chê. Nay y cứ vào đâu để làm cơ sở cho việc lấy, bỏ, đúng, sai? Nếu dựa vào sự suy luận của phạm phu thì liệu có đúng với quy định của Phật không?

ĐÁP: - Do sự tranh chấp nên sanh ra nhiều bộ phái, hiện tượng đó là sự suy thoái của đạo pháp. Sử dụng những sở trường của các bộ, chính là ý muốn tập thành. Tuy Hoài Tố chê, có chỗ cũng có căn cứ, nhưng chẳng lẽ Luật học của Tuyên luật sư sai hết hay sao? Huống chi Phật có dạy rõ: “Người nhiều trí tuệ có thể bỏ, có thể lấy, nhưng kẻ ngu si không thể phân biệt được”. Thế nên ở đây, lấy sự phân minh để tập đại thành là nghĩ đến người đi sau. Cho nên bộ *Tập yếu* này sử dụng sở trường của các bộ, là để đủ điều kiện tham khảo. Hơn nữa, vì ngược dòng tìm đến tận nguồn, nên đâu phải căn cứ trên những suy luận riêng tư để lấy hay bỏ một cách tùy tiện.

3) Riêng *luật Thiện kiến* phân giá tội và tánh tội¹ nhưng bên dưới mỗi giới có chỗ phân có chỗ không. Nay

¹ Tánh tội và giá tội: Tánh tội là tội ác không cần đức Phật chế ra mà phạm vào là mắc tội như các điều ác của sát, đạo, dâm, nếu phạm vào những điều này là mắc tội. Còn giá tội là tội đã phạm vào những điều đã được đức Phật ngăn cấm đối với những người xuất gia, Phật muốn giữ gìn mọi điều cơ hiểm của thế gian có thể xảy ra, nên đức Phật chế ra giới pháp để ngăn ngừa không cho phạm, nếu phạm phải những

tôi theo nguyên bản không dám thêm vào, ai muốn đối chiếu nguyên bản thì có thể thấy rõ. Lại nữa, theo *luật Thiện kiến* gọi là chế tội, thì ở đây gọi là giá tội, chữ dùng tuy khác, ý nghĩa như nhau.

4) Theo sau mỗi giới, đều có các phần: Duyên khởi, thích nghĩa, đưa ra sự khinh trọng của tướng tội, hỏi và đáp để nêu lên lẽ đúng, lẽ sai. Sau hết dẫn chứng các bộ Luật oai nghi khác, những điều tương tự giới đó cũng phụ lục vào. Sáu phần này có khi nêu ra hết, có khi giảm bớt, vì thấy không cần thiết, nên không liệt kê chi tiết mà chỉ sử dụng sáu từ: Duyên, thích, tướng, biện, chứng và phụ, để nêu lên từng phần muốn nói.

5) Xét về mặt dịch thuật các bộ Luật, có trường hợp sử dụng từ ngữ khác nhau nhưng ý nghĩa đồng, hoặc lời văn khó hiểu. Những trường hợp như vậy có thể chú thích được thì chú thích, nếu không thể chú thích thì đưa vào cuối mỗi quyển để tiện tham khảo.

6) Giá tội của Thanh-văn, Đại thừa đồng học. Cho đến những điều vì chúng sanh nên phương tiện mở ra, đều có chứng cứ rõ ràng trong kinh, không thể lẫn lộn được. Nay y cứ kinh *Phạm võng* và *Từ thị giới bốn*, mỗi giới chỉ thuyết minh phần chính. Đó là phỏng theo ý của Sớ giải Thiên Thai.

điều cấm đó thì mắc tội như các loại chứa dư y, ăn đồ cách đêm, đào đất, hại cỏ v.v...

ĐỀ CƯƠNG

1) Năm phân Pháp thân đều y cứ theo giới, ba môn học Vô lậu, lấy giới làm đầu, không một đức Như Lai nào không đủ giới thể, không một Bồ-tát nào không tu giới Ba-la-mật, không một kinh điển nào không đề cao giới pháp, không vị Thánh, bậc Hiền nào không giữ giới hạnh trang nghiêm. Trì giới giống như đất, tất cả thiện pháp đều từ đó mà sanh trưởng. Trì giới như thành quách, dựa vào đó mà xa lìa được ma chướng. Luận về sự thù thắng siêu việt của giới thì một người phạm phụ khi được thọ giới, liền được gọi ngay là phước điền của thế gian; còn đạt đến chỗ cùng tận của giới thì chỉ có Phật mới được gọi là bậc tròn đầy về giới.

Bốn tầng lầu cao, mỗi bậc là cảnh giới viên đốn. Tám vạn tế hạnh, mỗi hạnh cùng pháp giới tương ưng. Nếu không trì giới thì dù có học tập giáo lý, tọa thiền, tạo các phước nghiệp đều là nếp sống của ma và rơi vào bè đảng của chúng. Thế nên người hảo tâm, xuất gia, nhất thiết phải bắt đầu từ trì giới, và sau đó việc tự lợi lợi tha, các pháp mới thành tựu. Nếu bỏ con đường thông suốt này, thì không còn lối đi nào ngắn hơn nữa.

HỎI: - Tạng luật của Tỳ-kheo vốn thuộc Thanh văn, giới kinh *Phạm võng* mới là đại giáo, nay lại nói rằng: Bốn cấp bậc đều là cảnh viên đốn, làm sao phân rõ được Đại và Tiểu thừa? Lại nữa, đã gọi là viên đốn thì một cấp bậc là đủ rồi, cần gì phải bốn cấp bậc.

ĐÁP: - Người viên, khi thọ pháp, không pháp nào không viên. Ai đã nhận chân được chỉ thú của kinh *Pháp hoa* mở bày thì nhất sắc, nhất hương đều là trung đạo. Như vậy, có giáo pháp nào là không viên đốn? *Pháp hoa huyền nghĩa* nói: Khai thô (hiển) thì Luật học là Đại thừa. Thức xoa, Thức xoa tức là nghĩa thứ nhất của Đại thừa. Ánh sáng không phải là xanh, vàng, đỏ, trắng, đen. Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện, 250 giới đều là Đại thừa. Như vậy, sao lại có thô giới khác với diệu giới? Giới đã diệu thì người thọ giới cũng diệu, nên câu “Người thật là con ta” chính là nghĩa này. Đây gọi là diệu giới, không còn đối đãi.

Than ôi! Do đây, quán sát từng cấp bậc đều là viên đốn, một và nhiều không ngại nhau, mới thành bất khả tư nghì. Nếu cho rằng một loạt là đủ, thì như kinh *Hoa nghiêm* có bảy chỗ, chín hội¹. Vậy, ta có thể đặt vấn đề là một chỗ, một hội là đủ có được không?

¹ Bảy chỗ chín hội: theo Thập bát hoa nghiêm kinh một bộ có 39 phẩm thì có 7 chỗ nói và gồm có 9 hội.

7 chỗ: - Nhân gian gồm có 3 chỗ: 1. Bồ-đề đạo tràng, 2. Phổ Quang Minh điện, 3. Trùng Các giảng đường,

- Thiên thượng gồm có 4 chỗ: 1. Đạo-lợi thiên, 2. Dạ-ma thiên, 3. Đâu-suất thiên, 4. Tha Hóa thiên.

Đó là 7 chỗ nói kinh *Hoa nghiêm*. Và gồm có 9 hội:

1. Thế chủ diệu nghiêm phẩm, 2. Như Lai danh hiệu phẩm, 3. Thăng Đạo-lợi thiên cung phẩm, 4. Thăng Dạ-ma thiên cung phẩm, 5. Thăng Đâu-suất thiên cung phẩm, 6. Thập địa phẩm, 7. Thập định phẩm, 8. Ly thế gian phẩm, 9.

HỎI: - Năm giới, mười giới, Tỳ-kheo giới, Bồ-tát giới dụ như bốn cấp bậc vào nhà lầu. Thế nên nói rằng: Không thọ năm giới mà thọ mười giới, cho đến không thọ Tỳ-kheo giới mà thọ Bồ-tát giới, việc làm ấy không đúng. Ý nghĩa thứ lớp đã rõ ràng như vậy, huống chi ngày nay, cho Sa-di thọ giới Bồ-tát, há không tự làm ngược lại và vượt lên lời dạy chơn thật của Phật hay sao?

ĐÁP: - Dụ về nhà lầu, chẳng qua thuyết minh tiến trình của một lần đi lên, nhưng nếu chấp hành một cách cứng ngắt như vậy thì Ưu-bà-tắc cũng không được thọ Bồ-tát giới. Sự thật thì Ưu-bà-tắc có thể thọ giới được vậy tại sao không cho phép Sa-di thọ? không lẽ Sa-di lại không bằng Ưu-bà-tắc hay sao? Giới Bồ-tát theo *Nghĩa số* thì cộng thông cả bảy chúng, mà các chùa đại và tiểu ở Tây Trúc chia riêng, như vậy chẳng lẽ các chùa của Đại thừa lại không có Sa-di hay sao?

HỎI: - Ba môn, Thiên, Giáo, Luật cũng như lan mùa Xuân, cúc mùa Thu, đều phô trương cái đẹp của mình. Nay chỉ lấy giới làm đường đi chung, tại sao từ xưa lại lập ra ba Tông?

ĐÁP: - Hai mươi tám vị Tổ ở Tây Vực đều bảo trì ba Tạng, khi Phật pháp lưu truyền đến Đông Độ thì mới phân chia thành môn phái, nhưng không một vị

Nhập pháp giới phẩm. Đó là chín hội nói kinh *Hoa nghiêm* của đức Phật.

Thiên sư nào, một vị Giảng chủ nào không lấy giới luật để thúc liễm thân tâm, ngõ hầu không gây ác nghiệp.

2) Người chưa học giới, phần nhiều sợ giữ khó khăn, nguyên nhân chính là họ không hiểu giới pháp nên sanh lòng thối thất. Nếu ai học giới này, mới thấy rằng đức Như Lai trí tuệ vô cùng, hiểu tận lòng người. Ngài ngăn ngừa và mở ra rất đúng chỗ, nên sự giữ giới không khó khăn gì cả.

Tôi nhớ lúc mới xuất gia, tự thị cho rằng căn bản mình thanh tịnh, rất sợ sự hành trì bó buộc với nhiều chi tiết, nên mười giới Sa-di tôi còn chẳng chịu thọ, huống chi là giới Tỳ-kheo. Sau này, nhân theo đại chúng ở Tùng lâm nên gượng thọ mười giới. Sau đó xem qua giới bản, cho đến học Luật tạng mới tin rằng: muốn được tự tại không còn sợ gì, thì cần phải thông suốt giới luật.

Người chưa học luật, gặp việc gì cũng bế tắc cả. Nhà Nho nói: “*Người không học lễ, không thể lập thân.*” Lời nói ấy đúng thay!

3) Xứ Tây Trúc khí hậu nóng và ẩm, cây cỏ không sanh trưởng được, nên đức Phật cho phép Tỳ-kheo ăn 5 thứ tịnh nhục. Xứ này rau trái rất nhiều, quyết định không được ăn thịt. Lại nữa, các nước ở Tây Vực, nếu thực hành theo pháp Tiểu thừa mới ăn 5 thứ tịnh nhục, còn các người hành trì theo Đại thừa, đều cấm không cho ăn.

Nay tại xứ này giáo pháp Đại thừa đã truyền khắp, nếu Tỳ-kheo ăn thịt, nhất định tăng thêm sự hủy báng. Để ngăn sự chệch lạc của thế gian, nên chú trọng việc này, dù ai chưa thọ giới Bồ-tát cũng không được ăn thịt, nếu ăn thịt thì không phải nếp sống của Sa-môn.

4) Hai tạng Kinh và Luận quý ở chỗ lưu thông, riêng có tạng Luật rất quý giá và kín đáo, vì luật là pháp của Đại Tăng không phải dành cho người ngoài.

Luật *Căn bản* chép: “Người tại gia chỉ được nghe hai tạng Kinh và Luận, tạng Luật là phép tắc của người xuất gia không được xem”.

Bài tựa của kinh *Giới nhân duyên* chép: “Tại Thiên Trúc, luật được giữ kín, chỉ có bậc Đầu-đà và những vị có trí tuệ vững chắc mới được phép mở xem và cùng truyền cho nhau”.

Ngài Da-xá dặn đi dặn lại rất kỹ việc này: “*Con người nên bảo họ làm chứ không nên cho họ biết*”. Câu nói này thật là chí lý chí thiết, cần lưu ý và cẩn thận mong rằng những vị đồng giới phải cẩn thận vấn đề truyền thọ. Ai chưa đủ năm hạ, chẳng phải người trì luật, chớ nên cho họ biết. Xem rõ hai Luật đều nói như vậy, nên biết việc này phải cẩn thận, nếu để Sa-di hiểu rõ Năm thiên thì sẽ thành già nạn khi họ thọ Cụ túc giới.

Bộ *Tập yếu* này đặc biệt dành cho người thích gọn, tiện dụng khi hành trì. Chớ nên cho người chưa thọ giới xem trước. Nếu Sa-di trao cho nhau xem, phải trách họ

và ngăn cản ngay, nếu không làm như vậy ta và họ đều có tội.

HỎI: - Đức Thế Tôn giảng pháp như một trận mưa làm thấm ướt khắp nơi, người nào thấm nhuần đều được lợi ích. Ngày xưa có người nghe nửa bài kệ trong kinh, được thoát khỏi tội đầu thai làm chó, và trâu chở đại kinh, đời sau được sanh làm Sa-môn. Như vậy, tại sao Tạng luật lại cho là quý báu và giữ kín? Chẳng lẽ luật không có lợi ích cho người, hay là quý vị không muốn đem luật làm lợi ích cho mọi người? Lại nữa, giả như có người chưa thọ Cụ túc giới, phát tâm duyệt Tạng luật, không biết Phật cấm chỗ nào không được đọc. Lại như những người viết chép, khắc bản in... thì phải xem qua, giả như sau này họ phát tâm thọ giới, nếu vì những người ấy cho thọ giới thì họ có mắc trọng nạn hay không? Nếu điều đó là trọng nạn thì trong Phật pháp cũng có những hạn chế và tác dụng ngược lại “Cam lồ biến thành độc dược?”

ĐÁP: - Kinh điển quý ở chỗ lưu thông, nhờ thế nên thành chủng tử của văn huân, còn Luật quý báu ở chỗ giữ kín nên ngăn ngừa được cái nạn của tặc trụ. Một bên là giữ kín, một bên là phơi bày, đều là nằm trong Tứ tất-đàn của Như Lai, cho đến như người không biết gì mà lầm xem hay xem qua khi chép, khắc, in... thì đâu có tâm trộm pháp, tất nhiên không liệt vào trường hợp bị trọng nạn. Nhưng những người chép hay khắc chưa hiểu rõ được thì còn có thể dung thứ, còn như người xem mà hiểu rõ thì phải ngăn cấm. Vì vậy, đối

với những người biết pháp cần phải khéo léo hướng dẫn cho họ.

HỎI: - Các thiên và tỳ của luật đã không cho Cư sĩ và Sa-di được biết, tại sao trên hội Niết-bàn đức Thế Tôn nói với đại chúng trời, người về 5 thiên 7 tỳ và phó chúc cho đời sau không được vi phạm, chẳng lẽ trong kinh *Niết-bàn* nói riêng cho Tỳ-kheo và không thể lưu thông trong thế gian hay sao?

ĐÁP: - Hội Niết-bàn thuần là chúng đại Bồ-tát, chắc chắn không có kẻ ác trộm pháp, nên đức Phật đối với tên của thiên và tỳ không kiêng cử. Tuy nhiên Phật chỉ nói ra tên chứ không trình bày sự nghĩa, nếu ai muốn giảng kinh *Niết-bàn* cũng không nên giải thích chi tiết.

HỎI: - Sa-di hiểu được 5 thiên thì thành già nạn khi thọ giới Cụ túc. Nay giả như có người muốn thọ giới Cụ túc nhưng trước đây lỡ đọc 5 thiên thì có thành già nạn không?

ĐÁP: - Giới pháp của Tỳ-kheo chỉ cho phép hành trì sau khi thọ. Trước khi thọ giới không được đọc giới bốn, nếu không biết mà xem nhầm thì có thể tha thứ được, còn biết mà cố ý vi phạm thì khó có thể bỏ qua.

5) Giới thể của Tỳ-kheo rất tôn quý, nếp sống của người thế tục rất ô nhiễm. Tụng kinh, lễ sám còn có thể gọi là pháp thí, nhưng thổi tiêu, đánh bạt thì khác gì kẻ xướng ca? Trường hợp trong kinh *Pháp hoa* cho phép làm như vậy để cúng dường Phật thì vốn là bảo người khác làm, chứ đã mang hình dáng trang nghiêm của

Tăng sĩ, sao lại tự mình làm những điều bộ khó coi như vậy! Nếu am viện nào muốn thay đổi nếp sống, theo Thiền tông thì cũng không được sử dụng các loại âm nhạc, nếu ai không từ bỏ thì trái với những quy định của Phật.

HỎI: - Nếu cho rằng việc thổi tiêu, gõ bạt cũng giống như hát xướng, nhưng truyện *Ký qui* có ghi: “*Đại hội Tự tứ có gõ nhạc, đánh trống, treo tràng hoa, đi hành hương các miếu thờ*”. Như vậy, xét về nội dung thì khác gì thổi tiêu, gõ bạt, tại sao lại không cho? Giả sử bảo người khác làm, có khác gì mình làm mà lại không phạm tội?

ĐÁP: - Tội ngũ nghịch, thập ác là tánh tội của thế gian, nên bảo người khác làm hay tự mình làm đều chịu quả báo như nhau. Nay việc ca hát, xướng múa là Giá tội của người xuất gia, còn bảo người đánh nhạc để cúng dường thì đó là phước nghiệp, việc này không thể xem là tánh tội được.

6) Giới không ăn phi thời, tất cả kinh, luật đều nghiêm cấm rõ ràng và đầy đủ, không một bộ luật nào khai cho giới này. Câu nói: “*Ăn quá ngọ là được thạch*”, không phải lời của Phật dạy, đó là quyền xảo của người xưa, nếu thân thể yếu ớt nhiều bệnh thì cho dùng nước phi thời, nước bẫy ngày, thuốc trợn đời, có thể đáp ứng sự suy yếu của cơ thể. Tại sao lại cam tâm phá giới này? Trừ trường hợp vì nhân duyên mất mạng không còn cách nào để bảo tồn sinh mạng thì hoặc là xả giới Tỳ-kheo, Sa-di, chỉ làm một người cận trú Bồ-tát, hoặc

cứ 15 ngày hàng tháng thành khẩn sám hối, nguyện không làm Giới sư thì có thể được.

HỎI: - Giới không ăn phi thời còn gọi là trai, chắc chắn không được phạm rồi. Nhưng những bậc Tri thức xưa nay, phần nhiều không thể giữ được. Nếu như người nào, các giới căn bản đã thanh tịnh, chẳng lẽ bị đọa vì các giới khác không thanh tịnh hay sao?

ĐÁP: - Phá giới phá trai đều gọi là ác pháp, nếu chỉ giữ giới căn bản, thà đừng thọ dụng của tín thí. Từ xưa đến nay, những bậc Tri thức chơn chánh theo khuynh hướng “Thừa cấp giới hoãn”, đều biết đức tầm quý, không làm Giới sư như ngài Tử Bá, Thọ Xương. Những bậc Tri thức gần đây không tuân theo giới vi tế, đã làm thầy mọi người một cách sai lầm, nếu họ chưa bị đọa lạc có thể nhờ phước nghiệp đặc biệt nào đó bảo trì. Ngài Huệ Viễn cương quyết từ chối uống nước mật, ngài Cao Phong chỉ ăn một bữa, ngài Đạt Quán quá ngọ không ném một thứ gì cả. Các ngài danh túc về Thiền giáo từ trước, giữ gìn trai giới thanh tịnh rất nhiều, chính là giữ gìn giáo. Ta không thể học theo kẻ Tri thức đời sau, cầu lợi một cách bản thủ.

7) Trong luật quy định Tỳ-kheo chưa đủ 10 hạ không được phép làm Hòa thượng hay y chỉ A-xà-lê, nếu vị nào vội vã làm thầy, đó là người biết pháp mà lạm pháp.

HỎI: - Bây giờ thời mật pháp, mạng người vô thường, thân như sương buổi sớm, làm sao có thể chờ đợi đúng

lúc? Hoặc là có thể nào mở ra một trường hợp ngoại lệ để Tăng bảo không bị đoạn tuyệt hay không?

ĐÁP: - Do đời mạt pháp không y theo luật định, Tăng luân suy đồi, nên thành suy giảm như thế. Nay muốn phục hưng lại phải tuân theo sự quy định của Phật. Ai muốn độ người xuất gia, ít nhất phải đủ 10 hạ, biết rõ hai bộ luật của Tăng và Ni.

8) Theo luật, mỗi ngày chia làm ba thời, cho phép hai thời học nội điển, một thời còn lại học sách vở khác, thuộc sách ngoài. Những người lợi căn, có thể dựa vào đó để hàng phục ngoại đạo, vì các nước ở Tây Vực rất nhiều ngoại đạo chống đối Phật pháp. Ở xứ này, việc ấy không đối tượng, nên vị nào chỉ chuyên tâm theo việc chính của mình thì hàng Cư sĩ càng thêm kính trọng. Như ai đắm nhiễm thơ văn thì người giỏi được đời thương cảm tôn và kẻ dở bị chê bai. Tôi chỉ thấy họ bị người ngoài hàng phục họ, chứ nào thấy họ hàng phục được ai đâu. Vị nào căn cơ có hạn, thì giờ không nhiều, phải mau học việc chánh yếu, cho rõ ràng thông suốt, còn sợ không kịp thì giờ. Nếu tham đắm thơ văn chắc chắn không là người giới tử chơn thật.

9) Luật này là nền tảng của định tuệ, là gốc của giải thoát. Nền móng xây xong, nhà cửa làm theo thiết kế, gốc cây đã vững thì đến khi trở hoa kết trái lẽ tất nhiên hơn nhiều. Nếu không rèn luyện nội tâm, mà chỉ trang sức hình tướng bên ngoài thì ngược với như chánh thọ giới, vĩnh viễn đoạn tuyệt diệu quả Niết-bàn.

HỎI: - Giới là nền móng của định tuệ, là gốc của giải thoát. Không xây nền móng, tất nhiên không xây nhà được. Nhưng nếu chỉ có nền móng thì chưa phải là hoàn thành toàn bộ, nên cần phải lấy việc học giáo nghĩa, tham thiền để đạt đến cứu cánh, chẳng lẽ chỉ có luật mới đạt đến cứu cánh hay sao?

ĐÁP: - Thọ được Luật nghi, đó chính là nền móng, để Định cộng giới² và Đạo cộng giới hoàn thành, cho nên mới nói: Cần phải rèn luyện nội tâm. Như phần đại tiểu Kiên-độ trình bày: Ban đầu hành giả tu tập Thánh giới để đạt đến Ngũ thông, Tam minh, tất cả đều thuộc về thật nghĩa của giới. Như vậy, lại có thể tìm cầu cứu cánh nào bên ngoài luật hay sao?

10) Giới luật không hạn chế ở Thanh-văn, nếu ai phát tâm ắt bằng bậc Đại sĩ. Vả lại, đủ các giới hạnh mới là chánh như của thượng phẩm.

Niệm Phật được độ thoát, thời nay chính là lúc tin vào sự ghi chép, nếu không về được nơi an lạc thì chưa hoàn toàn tuân theo lời Phật dạy. Mong rằng những vị đồng tu hãy biết rõ nơi hướng về.

² Định cộng giới: còn gọi là Tịnh lự sanh luật nghi. Khi nhập vào sơ thiền, nhị thiền cùng các thiền định khác, thì cùng với thiền định, giới thể phòng phi chỉ ác tự nhiên cùng sanh, tất cả những động tác của thân và khẩu đều kết hợp với luật nghi. Câu-xá luận 14 nói: “Tịnh lự sanh nghĩa là luật nghi từ nơi tịnh lự sanh ra, hoặc y vào tịnh lự. Nếu đạt được tịnh lự thì định thành ra luật nghi này.”

HỎI: - Đây đủ các giới hạn, tất nhiên là đủ điều kiện để được sanh thượng phẩm thượng sanh và sanh vào một trong ba loại chúng sanh. Trì giới giống như mặt đất, tất cả thiện pháp đều sanh thành từ đó. Nếu Định cộng và Đạo cộng đều bao hàm đầy đủ thì cần gì phải niệm Phật? Lại nữa, niệm Phật là pháp môn ngắn nhất để ra khỏi ba cõi, khi lâm chung chỉ cần 10 niệm, tức được vãng sanh, cần gì phải hành trì giới tướng cho phiền phức? Cả hai pháp môn đều là đường tắt, chỉ cần đi một đường là đến đích, cần gì phải bước cả hai đường mới gọi là hoàn toàn tuân theo lời Phật dạy?

ĐÁP: - Định cộng và Đạo cộng tất nhiên có khả năng thoát khỏi sanh tử, nhưng nếu không nguyện sanh về Tịnh độ thì đương nhiên chỉ sanh về cõi phương tiện uế độ mà thôi. Còn nếu trì giới kiêm niệm Phật, có thể đoạn được thông hoặc (kiến tư hoặc) và biệt hoặc (trần sa, vô minh), đương nhiên có thể sanh vào ba cõi Tịnh độ: Phương tiện, Thật báo và Tịch quang Tịnh độ. Giả như chưa đoạn được hoặc, cũng có thể sinh vào cõi Đồng cư Tịnh độ. Lại nữa, niệm Phật để tâm được tịnh, đó là Vô thượng diệu giới. Nếu không tuân theo lời dạy “niệm Phật được giải thoát” thì cũng chính là đi ngược lời dạy của Phật, giới luật cũng chê trách điều đó. Nhưng nếu ý lại vào con đường tắc, 10 niệm vãng sanh khinh thường giới tướng cho là phiền phức, cũng không phải là người niệm Phật chơn chánh, 10 niệm lúc lâm chung khó thành tựu. Thế nên người tu cần phải lấy Tịnh giới làm nhân, Tịnh độ làm quả, mới lấy việc

chính yếu để giải thoát; đây chính là một con đường thanh tịnh sao gọi là hai đường ư?

11) Bộ *Tập yếu* này chỉ đáp ứng cho việc tự lợi, nếu vị nào muốn hoằng truyền luật thì cần phải tham khảo hết Tạng luật, mới có thể hiểu rõ hết nguồn gốc, mà chỉ bày lại cho người sau. Đã là bậc thầy mô phạm, đâu có thể cho phép chỉ chọn sự tóm lược mà bỏ đi sự rõ ràng đầy đủ. Nay nếu vị nào y cứ giới luật làm cơ sở, riêng tu giáo quán Thiên tông v.v... trước hết cần phải thuộc lòng chánh văn của giới bản, sau đó y cứ giới bản nghiên cứu cho thấu triệt những chỗ vi tế. Những vị như thế không bị chê là dè dặt. Nếu ai quyết chí hoằng dương giới luật tiếp dẫn người sau, trước hết căn cứ vào bản *Tập yếu* này nghiên cứu cho rõ ràng nhuần nhuyễn, sau đó cần phải tham khảo toàn Tạng luật thì mang danh Luật sư mới không hổ thẹn vậy.



LUẬT TẠNG TỔNG MỤC

1) TỬ PHẦN LUẬT TẠNG: 60 quyển - *Đời Diêu Tân - Kế Tân - Tam Tạng Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm cùng dịch.*

2) TỬ PHẦN GIỚI BỔN: 1 quyển - *Tam tạng Phật-đà-da-xá dịch.*

3) TỬ PHẦN GIỚI BỔN: 1 quyển.

TỠ-KHEO-NI GIỚI BỔN: 1 quyển - *Đường, chùa Tây Thái Nguyên, Sa-môn Hoài Tố y luật tập xuất.*

4) ĐÀM-VÔ-ĐỨC LUẬT TẠP YẾT-MA: 1 quyển - *Tiền Ngụy, Tam Tạng Thiên Trúc Khương Tăng Khải dịch.*

5) YẾT-MA - *Tào Ngụy - Sa-môn Đàm-đế tập.*

6) TỬ PHẦN TỠ-KHEO-NI YẾT-MA PHÁP: 1 quyển - *Lưu Tống - Tam Tạng nước Kế Tân Cầu-na-bạt-ma dịch.*

7) TỬ PHẦN LUẬT SAN BỔ TÙY CƠ YẾT-MA: 2 quyển - *Kinh Triệu - chùa Sùng Nghĩa, Sa-môn Đạo Tuyên soạn.*

8) TỬ PHẦN TĂNG YẾT-MA: 3 quyển.

TỬ PHẦN NI YẾT-MA: 3 quyển - *Đường, chùa Tây Thái Nguyên, Sa-môn Hoài Tố y luật tập xuất.*

9) MA-HA TĂNG KỲ LUẬT: 40 quyển - *Đông Tấn - Tam Tạng Pháp sư Phật-đà-bạt-đà-la cùng Sa-môn Pháp Hiển dịch.*

10) BA-LA-ĐỀ-MỘC-XOA TĂNG KỲ GIỚI BỔN: 1 quyển - *Phật-đà-bạt-đà-la dịch.*

11) TỠ-KHEO-NI TĂNG KỲ LUẬT BA-LA-ĐỀ-MỘC-XOA GIỚI KINH¹: 1 quyển - *Đông Tấn, Sa-môn Pháp Hiển, người Bình Dương cùng Giác Hiền dịch.*

12) DI-SA-TẮC NGŨ PHẦN LUẬT: 30 quyển - *Tống, Tam Tạng nước Kế Tân Phật-đà-thập và Trúc Đạo Sanh dịch.*

13) NGŨ PHẦN GIỚI BỔN: 1 quyển.

TỠ-KHEO-NI GIỚI BỔN: 1 quyển - *Lương, chùa Kiến Sơ - Sa-môn Minh Huy biên tập.*

14) NGŨ PHẦN LUẬT YẾT-MA BỔN: 1 quyển - *Đại Đường, chùa Khai Nghiệp, Sa-môn Ái Đồng ghi chép.*

15) THẬP TỤNG LUẬT: 58 quyển - *Diêu Tân, Tam Tạng Phát-nhã-đa-la, Cửu-ma-la-thập cùng dịch.*

16) THẬP TỤNG TỠ-NI TỰ: 3 quyển - *Đông Tấn, Tam Tạng Tỳ-ma-la-xoa dịch tiếp theo.*

¹ Tỳ-kheo-ni Tăng kỳ luật Ba-la-đề-mộc-xoa giới kinh: là Ma-ha Tăng kỳ Tỳ-kheo-ni giới bổn, tr. 556, Đại22n1427.

17) THẬP TỤNG LUẬT TỖ-KHEO GIỚI BỔN: 1 quyển – *Cutu-ma-la-thập dịch*.

18) THẬP TỤNG LUẬT TỖ-KHEO-NI GIỚI BỔN: 1 quyển – *Tống, chùa Trường Can, Sa-môn Pháp Dĩnh tập xuất*.

19) TÁT-BÀ-ĐA TỖ-NI TỖ-BÀ-SA: 6 quyển, thêm một quyển tiếp theo. Mất tên người dịch. Phụ vào thời Tam Tần sao chép.

20) TÁT-BÀ-ĐA TỖ-NI MA-ĐẮC-LẶC-GIÀ: 10 quyển - *Tống, Tam Tạng Pháp sư Tăng-già-bạt-ma dịch*.

21) ĐẠI SA-MÔN BÁCH NHẤT YẾT-MA PHÁP: 1 quyển - *Mất tên người dịch. Phụ vào thời Tống sao chép*.

22) THẬP TỤNG YẾT-MA TỖ-KHEO YẾU DỤNG: 1 quyển - *Lưu Tống, Thích Tăng Cừ y luật soạn*.

23) CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỖ-NẠI-DA: 50 quyển.

24) (Như trên²) BÍ-SÔ-NI TỖ-NẠI-DA: 20 quyển.

25) (Như trên) TỖ-NẠI-DA TẬP SỰ: 40 quyển.

26) (Như trên) TỖ-NẠI-DA PHÁ TĂNG SỰ: 20 quyển.

² Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ.

27) (Như trên) TỖ-ĐÀ-NA: 5 quyển.
MỤC-ĐẮC-CA: 5 quyển.

28) (Như trên) BÁCH NHẤT YẾT-MA: 10 quyển.

29) (Như trên) GIỚI KINH: 1 quyển.
BÍ-SÔ-NI GIỚI KINH: 1 quyển.

30) NY-ĐÀ-NA-MỤC-ĐẮC-CA NHIẾP TỤNG³, TẬP SỰ NHIẾP TỤNG⁴: 1 quyển - *Đường, Tam Tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh phụng dịch*.

31) CĂN BẢN TÁT-BÀ-ĐA BỘ LUẬT NHIẾP: 14 quyển - *Tôn giả Thắng Hữu tạo. Nghĩa Tịnh dịch*.

32) CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỖ-NẠI-DA TỤNG: 3 quyển - *Tôn giả Tỳ-xá-khư tạo. Pháp sư Nghĩa Tịnh dịch*.

33) (Như trên) XUẤT GIA THỌ CẬN VIÊN YẾT-MA NGHI QUỸ: 1 quyển.

34) BÍ-SÔ TẬP LƯỢC PHÁP: 1 quyển - *Nguyên, Đế sư⁵ Bí-sô Bạt-hiệp-tư-ba tập*.

35) GIỚI NHÂN DUYÊN KINH⁶: 10 quyển - *Diêu Tần, Tam Tạng Trúc Phật Niệm dịch*.

³ Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ Tỳ-nại-da ni-dà-na-mục-đắc-ca nhiếp tụng.

⁴ Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ lược Tỳ-nại-da tập sự nhiếp tụng.

⁵ Đế sư: thầy của vua.

⁶ Giới nhân duyên kinh: tên khác Tỳ-nại-da, Tỳ-nại-da kinh, Giới quả nhân duyên kinh – tr. 851, Đại 24n1464.

36) GIẢI THOÁT GIỚI BẢN KINH: 1 quyển – thuộc *Ca-diếp-tỳ bộ* – *Nguyên Ngụy, Bà-la-môn Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi dịch*.

37) THIÊN KIẾN TỶ-BÀ-SA LUẬT: 18 quyển *Tiêu Tê - Sa-môn ngoại quốc Tăng-kỳ-bạt-đà-la*⁷ *dịch*.

38) TỶ-NI MÃU KINH: 8 quyển - *Mất tên người. Phụ vào thời Tần sao chép*.

39) PHẬT A-TỶ-ĐÀM KINH: 2 quyển – *Đời Trần, Tam Tạng Pháp sư Chơn Đế dịch*.

40) XÁ-LỢI-PHẬT VẤN KINH: 1 quyển – *Đông Tấn, mất tên người dịch*

41) ƯU-BA-LY VẤN KINH: 1 quyển - *Lưu Tống, niên hiệu Nguyên Gia, Cầu-na-bạt-ma dịch*.

42) CA-DIỆP CẨM GIỚI KINH: 1 quyển – *Tống, Cư sĩ Thụ Cừ Kinh Thanh dịch*.

43) PHẬT THUYẾT PHẠM GIỚI TỘI KHINH TRỌNG KINH: 1 quyển - *Hậu Hán, Tam Tạng An Thế Cao người An Túc dịch*.

⁷ Tăng-kỳ-bạt-đà-la 僧祇跋陀羅: Bản nguyên tác in nhầm chữ (Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu quyển đầu, tr. 347c22, Vạn ‘Tục tạng’ 40n719). Đính chính: Tăng-già-bạt-đà-la 僧伽跋陀羅 (skt. Saṃghabhadra – dịch là Tăng Hiền, Chúng Hiền), người Tây Vực. Ngài đến Quảng Châu năm Vĩnh Minh (483-493) thời Nam Tê. Ngài dịch bộ Thiên kiến luật tỳ-bà-sa tại chùa Trúc Lâm, Quảng Châu, năm thứ 7 (có thuyết nói năm thứ 6), niên hiệu Vĩnh Minh (489).

44) PHẬT THUYẾT MỤC-LIÊN SỞ VẤN KINH: 1 quyển - *Đông như kinh trên, Tam tạng dịch kinh Triều tán đại phu thí hồng lô thiếu khanh truyền giáo đại sư*⁸ *Pháp Thiên người Tây Thiên phụng chiếu dịch*.

Xét hai bản dịch 43 và 44 đều là một phẩm đầu của kinh *Ngũ bách vấn* đang lưu truyền.

Theo ý của kinh *Ngũ bách vấn*, người sau dựa vào đó thêm vào. Tôi (tác giả) đã từng xem kỹ, không những ngược với luật *Tứ phân* mà còn mâu thuẫn hầu hết tất cả luật luận 5 bộ phái. Tuy nói rằng: Thánh ý không thể xét bừa bãi kinh điển, không nên bàn luận một cách khinh xuất. Nhưng hành trì theo thì rõ là ngược với các bộ luật đang hiện có. Chẳng lẽ bỏ tất cả những nguyên tắc cộng thông để giữ lấy pháp môn đang còn nghi ngờ. Không rõ các vị Luật chủ trong cận đại, đang lưu thông kinh này, đã từng tham khảo toàn Luật tạng chưa? Nay tôi đã nghiên cứu kỹ nguồn gốc của 5 hệ thống luật không thể không nêu ra những nghi ngờ này được.

45) LUẬT NHỊ THẬP NHỊ MINH LIỄU LUẬN: 1 quyển - *Chánh lượng bộ* – *Pháp sư Phật-đà-đa-la-đa tạo. Trần, Tam Tạng Pháp sư Chơn Đế dịch*.

⁸ Triều tán đại phu thí hồng lô thiếu khanh truyền giáo đại sư: là tước hiệu do vua ban cho ngài Pháp Thiên.

46) ĐẠI TỶ-KHEO TAM THIÊN OAI NGHI: 2 quyển - *Hậu Hán, An Thế Cao dịch. Ngài Tăng Hựu nói mất tên người dịch.*

47) SA-DI THẬP GIỚI PHÁP VÀ OAI NGHI: 1 quyển - *Mất tên người dịch. Phụ vào thời Đông Tấn sao chép.*

48) SA-DI OAI NGHI: 1 quyển - *Tống, Tam Tạng Thiên Trúc Cầu-na-bạt-ma dịch.*

49) SA-DI-NI GIỚI KINH: 1 quyển - *Mất tên người dịch, thời Hán sao chép.*

50) SA-DI-NI LY GIỚI VĂN: 1 quyển - *Mất tên dịch.*

51) ƯU-BÀ-TẮC NGŨ GIỚI TUỞNG KINH: 1 quyển - *Tống, Tam Tạng Thiên Trúc Cầu-na-bạt-ma dịch.*

52) GIỚI TIÊU TAI KINH: 1 quyển - *Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm người Nhục Chi dịch.*

53) NAM HẢI KÝ QUI NỘI PHÁP TRUYỆN: 4 quyển.

- Thọ dụng tam thủy yếu hành pháp.
- Hộ mạng phóng sanh nghi quỹ pháp.
- Tuyệt tội yếu hành pháp.

3 pháp trên hiệp một quyển.

Đường, Tam Tạng Sa-môn Nghĩa Tịnh dịch.



TỨ PHẦN LUẬT TẠNG PHẨM MỤC

1) Phần thứ nhất: 21 quyển.

Tỳ-kheo giới

2) Phần thứ hai: 15 quyển.

Tỳ-kheo-ni giới. Kiên-độ Thọ giới.

Kiên-độ Thuyết giới.

3) Phần thứ ba: 13 quyển.

An cư - Tự tứ - Bì cách - Y dược - Y công đức

- Câu-thiểm-di - Chiêm-ba - Quả trách -

Nhân Che giấu - Ngăn phá tăng - Diệt tránh

- Kiên-độ Tỳ-kheo-ni - Kiên-độ Pháp.

4) Phần thứ tư: 11 quyển.

Phòng xá - Tạp - Ngũ bách kiết tập - Thất

bách kiết tập Tỳ-ni - Điều bộ Tỳ-ni - Tỳ-ni

tăng nhất.

MỤC LỤC DẪN CÁC KINH LUẬN

– Đại bát-niết-bàn kinh - *Tạ Linh Vận trùng trị.*

– Đại Bát-nhã kinh - *Huyền Trang pháp sư dịch.*

– Bồ-tát thiện giới kinh - *Câu-na-bạt-ma dịch.*

– Ưu-bà-tắc giới kinh - *Đàm-vô-sám dịch.*

– Pháp giới thứ đệ sơ môn - *Trí giả đại sư soạn.*

– Quán Tâm Luận Số *Chương An Tôn giả soạn*

– Tri Môn Cảnh Huấn *Chưa rõ người tập thành*